

Được quét bằng CamScanner

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B201**

Mã nhận dạng: 003813

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Hương</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>H.T.B. Phương</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Thị Thu</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thanh Quan</i>
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240028	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGUYỄN	13/01/2003	CCQ2124A			<i>[Signature]</i>	85	88	87	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B202**

D 13
H 6

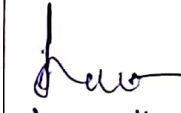
Số SV có mặt: **19**

Số bài thi: **19**

Số tờ giấy thi: **19**

Mã nhận dạng: **003814**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
<i>Phạm Thị Thu</i>	<i>Nguyễn Văn</i>	<i>Phạm Thị Thu</i>	<i>Nguyễn Thanh Loan</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240195	TRẦN CAO QUỲNH NHƯ	25/01/2000	CCQ2024G				00			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120240049	LÊ THỊ KIM	16/07/2002	CCQ2024B			<i>Kim</i>	56	68	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121240056	NGUYỄN KỲ	25/07/2003	CCQ2124B			<i>Kỳ</i>	77	78	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121240034	TRẦN THỊ AN	12/12/2003	CCQ2124B			<i>An</i>	80	79	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121240015	TRƯƠNG HOÀI	16/09/2003	CCQ2124A			<i>Phuong</i>	52	38	44	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121240011	VÕ THỊ BÍCH	25/02/2003	CCQ2124A			<i>Phuong</i>	46	22	32	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121240017	BÙI THỊ BÍCH	04/12/2002	CCQ2124A			<i>Bich</i>	47	34	39	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
8	2120240075	KIỀU NỮ DIỄM	08/07/2002	CCQ2024C			<i>Kieu</i>	50	37	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121240024	NGUYỄN THỊ THANH	16/03/2003	CCQ2124A			<i>Thao</i>	89	78	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121240054	TRƯƠNG THỊ THU	12/04/2003	CCQ2124B			<i>Thu</i>	61	64	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121240018	DƯƠNG THỊ BÍCH	08/06/2003	CCQ2124A			<i>Bich</i>	50	54	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121240121	DƯƠNG NGỌC ANH	01/01/2003	CCQ2124E			<i>Anh</i>	73	93	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121240007	VÕ LÊ	04/01/2003	CCQ2124A			<i>Le</i>	60	65	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121240057	NGUYỄN THỊ	09/04/2003	CCQ2124B			<i>Thuy</i>	83	74	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121240052	VŨ THỊ THÚY	10/09/2003	CCQ2124B			<i>Thuy</i>	75	53	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121240136	HUỲNH YẾN	03/07/2003	CCQ2124E			<i>Yen</i>	69	92	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121240043	NGUYỄN THIÊN	06/01/1997	CCQ2124B			<i>Thien</i>	89	84	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121240045	NGUYỄN KIỀU	28/11/2003	CCQ2124B			<i>Kieu</i>	65	32	45	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121240029	NGUYỄN HÀ	05/12/2003	CCQ2124A			<i>Ha</i>	45	50	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121240058	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	26/06/2003	CCQ2124B				00			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23** Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B202**

Mã nhận dạng: **003814**

Trang: 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Thị Thảo</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ngô Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan Thị Thảo</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thanh Loan</i>
--	------------------------------------	---	---

Số SV có mặt: **19**.....

Số bài thi: **19**.....

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240051	NGUYỄN TRUNG VƯƠNG	27/11/2003	CCQ2124B			<i>Wu</i>	55	54	54	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B204**

Mã nhận dạng: **003815**

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Loạt Thái</i>	<i>Nguyễn Khắc Vũ</i>	<i>Nguyễn Thanh Loan</i>	<i>Phạm Thị Thu</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240091	LẠI NGỌC LAN ANH	18/05/2003	CCQ2124D			<i>Lat</i>	68	66	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240098	VŨ THỊ NGỌC ANH	24/08/2002	CCQ2124D			<i>Uk</i>	71	75	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240105	DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	29/10/2003	CCQ2124D			<i>Ng</i>	85	90	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240076	DƯƠNG THỊ HUỆ CHI	04/12/2002	CCQ2124C			<i>Thuy</i>	99	96	97	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240061	NGUYỄN NGỌC DIỄM	09/11/2002	CCQ2124C			<i>Diem</i>	41			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240068	LA THỊ ĐÀO	29/08/2003	CCQ2124C			<i>Du</i>	75	67	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240095	NGUYỄN THỊ SANG HA	08/10/2003	CCQ2124D			<i>Ha</i>	89	78	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240112	BÙI THỊ THANH HÀ	07/12/2003	CCQ2124D			<i>Ma</i>	73	63	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240100	CAO THỊ XUÂN HÀ	01/09/2003	CCQ2124D			<i>Ha</i>	67	73	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240115	ĐỖ THỊ THÚY HẢI	21/11/2003	CCQ2124D			<i>Ha</i>	83	82	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240118	ĐƯƠNG MINH HIỀN	20/01/2003	CCQ2124D			<i>Min</i>	85	85	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240126	VÕ THÚY HIỀN	26/10/2003	CCQ2124E			<i>Hi</i>	96	85	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240104	LÊ NGỌC HOÀNG	18/04/2003	CCQ2124D			<i>Hoang</i>	87	83	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240067	LÂM THỊ HẢI HƯƠNG	28/04/2003	CCQ2124C			<i>Huong</i>	57	09	28	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240079	TRƯƠNG TÂN KHOA	14/09/2002	CCQ2124C			<i>Khoa</i>	53	50	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240069	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	16/07/2003	CCQ2124C			<i>Thuy</i>	86	86	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240081	HÀ THỊ MỸ LINH	27/12/2003	CCQ2124C			<i>Lin</i>	75	86	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240090	TRẦN TRIỆU KHÁNH LINH	14/12/2003	CCQ2124C			<i>Kh</i>	95	86	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240070	NGUYỄN ĐỨC LỘC	02/10/2003	CCQ2124C			<i>Loc</i>	78	63	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240086	LÊ TRỊNH THANH MAI	21/05/2003	CCQ2124C			<i>mai</i>	64	30	44	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **26/06/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B204**

Mã nhận dạng: **003815**

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1 <i>Le Tho</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyen Huu Van</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyen Thanh Loan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phan Thi Tho</i>
-----------------------------------	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240119	LÊ THỊ DIỄM MY	15/09/2003	CCQ2124D			<i>My</i>	91	84	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121240083	PHẠM THỊ THU	27/10/2003	CCQ2124C			<i>Thu</i>	74	69	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121240093	NGUYỄN VŨ KIỀU	13/08/2003	CCQ2124D			<i>Kieu</i>	100	94	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121240080	PHAN THANH	05/12/2003	CCQ2124C			<i>Thanh</i>	89	93	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121240099	TRẦN THỊ KIM	25/06/2003	CCQ2124D				00			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B206**

Mã nhận dạng: 003816

Trang : 1/2

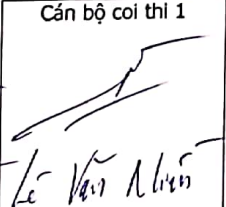
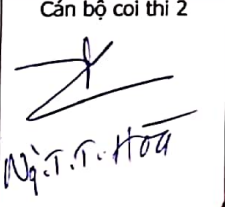
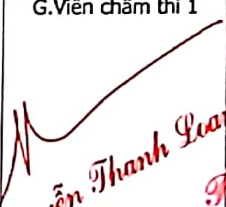
D: 25

H: 00

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1  Lê Văn Nhân	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Thị Hoa	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Thanh Loan	G.Viên chấm thi 2  Phạm Thị Thu
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240085	PHAN THỊ THANH NHÃ	05/02/2003	CCQ2124C				71	72	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240038	NGUYỄN THỊ YẾN	07/04/2003	CCQ2124B				94	94	94	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240107	NGUYỄN THỊ KIM	28/06/2003	CCQ2124D				95	93	94	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240096	PHAN THIÊN	11/02/2003	CCQ2124D				83	88	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240087	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	15/12/2003	CCQ2124C				80	83	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240102	VŨ QUỲNH	17/01/2003	CCQ2124D				74	69	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240097	HỒ SĨ	19/08/2002	CCQ2124D				84	80	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240082	NGUYỄN THỊ THU	09/12/2003	CCQ2124C				86	84	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240114	LÝ THỊ NGỌC	02/10/2003	CCQ2124D				63	54	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240106	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	03/01/2003	CCQ2124D				88	91	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240108	NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC	19/06/2003	CCQ2124D				83	68	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240092	NGUYỄN TRẦN BÍCH	19/06/2003	CCQ2124D				92	83	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240074	BIỆN THỊ HOÀI	29/12/2003	CCQ2124C				62	80	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240101	NGUYỄN PHAN MINH	16/09/2003	CCQ2124D				82	91	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240073	LÊ NGUYỄN HOÀI	23/07/2002	CCQ2124C				73	77	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240111	NGUYỄN NGỌC THÚY	19/09/2003	CCQ2124D				95	87	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240089	MAI MINH	01/05/2003	CCQ2124C				82	70	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240064	NGÔ HOÀNG KHÁ	23/07/2003	CCQ2124C				70	66	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240116	NGUYỄN THỊ BÍCH	06/04/2003	CCQ2124D				87	75	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240103	HUỖNH LÝ THẢO	16/12/2003	CCQ2124D				83	77	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23** Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B206**

Mã nhận dạng: **003816**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240062	HUỖNH MỸ GIAO VY	15/08/2003	CCQ2124C				72	63	67	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121240077	NGUYỄN THỊ ÁI VY	08/12/2003	CCQ2124C				73	49	59	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121240110	TRƯƠNG THÚY VY	15/10/2003	CCQ2124D				77	76	76	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121240120	HUỖNH THỊ NHƯ Ý	12/08/2003	CCQ2124D				65	40	50	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121240117	VŨ HẢI YẾN	05/12/2003	CCQ2124D				98	90	93	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003817

Trang 1/1

Môn học: Phiên dịch (224335) - Nhóm 03

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 22-23 Tổ: 001

Ngày thi: 26/06/2023 Giờ: 14:45

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 12

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Cui Minh Thuận</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Lê T. Phước</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan Thị Trúc</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thanh Loan</i>
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240161	TRẦN THỊ TUYẾT ANH	19/06/2003	CCQ2124F			<i>Trần Thị Tuyết Anh</i>	23	50	39	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240156	VÕ HOÀNG AN	19/11/2003	CCQ2124F			<i>Võ Hoàng An</i>	77	83	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240123	LÊ THỊ YẾN CHI	19/10/2003	CCQ2124E			<i>Yen Chi</i>	99	88	92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240129	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	03/08/2000	CCQ2124E			<i>Nguyễn Chí Cường</i>	91	89	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240140	NGUYỄN TRÍ CƯỜNG	02/02/2003	CCQ2124E			<i>Nguyễn Trí Cường</i>	95	86	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240165	NGÔ THỊ MỸ DUNG	19/01/2003	CCQ2124F			<i>Ngô Thị Mỹ Dung</i>	54	16	31	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240164	NGUYỄN NGỌC MỸ DUYÊN	01/01/2002	CCQ2124F			<i>Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên</i>	72	60	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240173	NGUYỄN THỊ BÉ DUYÊN	20/07/1999	CCQ2124F			<i>Nguyễn Thị Bé Duyên</i>	82	71	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240159	LÊ NHƯ HẢO	09/09/2003	CCQ2124F			<i>Le Nhu Hao</i>	94	84	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240132	ĐẶNG THỊ NGỌC HÂN	14/03/2003	CCQ2124E			<i>Đặng Thị Ngọc Hân</i>	48	49	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240175	VÕ THỊ THU HIỀN	17/01/2001	CCQ2124F			<i>Võ Thị Thu Hiền</i>	60	48	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240146	NGUYỄN HOÀNG TUẤN KHANH	21/05/2003	CCQ2124E			<i>Nguyễn Hoàng Tuấn Khanh</i>	00			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240168	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	05/10/2003	CCQ2124F			<i>Nguyễn Đăng Khoa</i>	87	76	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240144	TRẦN MINH KHÔI	23/05/2003	CCQ2124E			<i>Trần Minh Khôi</i>	84	88	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240154	KON SƠ K LAN	13/09/2000	CCQ2124F			<i>Kon Sơ K Lan</i>	69	59	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240151	BÙI NHẬT MAI LINH	09/05/2003	CCQ2124F			<i>Bùi Nhật Mai Linh</i>	80	88	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240128	LÊ THỊ LINH	10/05/2002	CCQ2124E			<i>Le Thi Linh</i>	62	43	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122100212	NGUYỄN TRÚC QUỲNH NHƯ	20/06/2004	CCQ2224F			<i>Nguyễn Trúc Quỳnh Như</i>	29	70	54	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120525	ĐẶNG HUỖNH THỊ DIỄM THÚY	31/01/2004	CCQ2224F			<i>Đặng Huỳnh Thị Diễm Thúy</i>	22	31	27	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Phiên dịch (224335) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23** Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B108**

Mã nhận dạng: **003818**

Trang : 1/1

Cán bộ coi thi 1 <i>N.N. Châu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>NPM Trang</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thanh Xuân</i>
--------------------------------------	--------------------------------------	---	---

Số SV có mặt: **17**

Số bài thi: **17**

Số tờ giấy thi: **17**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120100220	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	21/06/2002	CCQ2024G			<i>Lin</i>	70	62	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240153	BÙI NHẬT MAI LY	09/05/2003	CCQ2124F			<i>Ly</i>	95	92	93	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240145	NGUYỄN THỊ HẰNG	31/03/2003	CCQ2124E			<i>Hung</i>	70	79	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240169	PHAN THỊ PHƯƠNG	26/04/2002	CCQ2124F			<i>Phu</i>	78	67	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120240132	THẬP NỮ KIM	14/02/2002	CCQ2024E			<i>Thap</i>	50	35	41	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240133	NGUYỄN THỊ NGỌC	27/11/2003	CCQ2124E			<i>Nhu</i>	73	81	78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240131	NGÔ THỊ THU	18/02/2003	CCQ2124E			<i>Nhung</i>	51	54	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240137	HUYỀN THÙY QUỲNH	01/02/2003	CCQ2124E			<i>Huu</i>	37	32	34	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240176	ĐOÀN XUÂN QUÍ	16/06/1999	CCQ2124F				00			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240160	PHẠM THỊ MINH	03/12/2002	CCQ2124F			<i>Minh</i>	88	75	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240135	NGUYỄN NGỌC SƠN	16/04/2001	CCQ2124E			<i>Son</i>	83	90	87	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121170322	PHAN PHÚ THÀNH	05/07/2003	CCQ2124F			<i>Phu</i>	79	58	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120240023	TRẦN THỊ THU THẢO	16/09/2002	CCQ2024A			<i>Thao</i>	54	53	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240141	VŨ MINH THÔNG	13/10/2003	CCQ2124E			<i>Thong</i>	87	79	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240147	NGUYỄN THỊ MINH TRÂM	08/08/2001	CCQ2124E			<i>Tram</i>	22	34	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240166	NGUYỄN THANH TÙNG	09/12/2003	CCQ2124F			<i>Tung</i>	57	53	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120240119	HỒ THỊ THANH TUYẾN	27/05/2002	CCQ2024D				10			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121190165	BÁ THỊ KIM UYÊN	28/03/2003	CCQ2124F			<i>Uyen</i>	60	78	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240174	TRẦN VĂN VŨ	19/09/2002	CCQ2124F			<i>Vu</i>	65	69	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023